

Số: **67 /2019/QĐST- HNGĐ**

Hạ long, ngày 06 tháng 03 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 79/2019/TLST-VHNGĐ ngày 05/03/2019 về việc yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Anh **Lê Trần C** sinh năm 1982

ĐKKH, chỗ ở: Tổ 4 khu 11, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

2. Chị **Phạm Thị N** sinh năm 1986

ĐKKHTT: Số nhà 79 khu 2, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh

Tạm trú: Số 13 Dã Tượng, khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Anh Lê Trần C và chị Phạm Thị N cùng yêu cầu giải quyết ly hôn. Xét thấy hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn nên Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của anh Lê Trần C và chị Phạm Thị N.

[2] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con chung, thỏa thuận về việc nộp án phí/lệ phí Tòa án tại Trung tâm Hòa giải – Đối thoại Tòa án nhân dân thành phố H lập ngày 21 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thuận tình ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Trần C và chị Phạm Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Lê Trần C và chị Phạm Thị N có hai con chung là Lê Trần Hà L sinh ngày 22/09/2008 và Lê Trần T sinh ngày 15/10/2010.

Vợ chồng ly hôn, anh Lê Trần C được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lê Trần Hà L đến khi con thành niên (đủ mười tám tuổi). Chị Phạm Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lê Trần T đến khi con thành niên (đủ mười tám tuổi). Anh C và chị N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung với ai.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con không trực tiếp nuôi theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người đang được quyền trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Lê Trần C và chị Phạm Thị N tự trình bày vợ chồng không có tài sản chung, đến nay không vay nợ chung với cá nhân hay tổ chức nào, cả hai người không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí/lệ phí: Anh Lê Trần C tự nguyện chịu toàn bộ án phí/lệ phí ly hôn là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền án phí/lệ phí ly hôn này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí/lệ phí 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Lê Trần C đã nộp. Trả lại anh Lê Trần C 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). *(theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001100 ngày 04 tháng 03 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Tòa án tỉnh QN
- VKSND TP H
- Chi cục THADS TP H
- UBND phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.
- Lưu hồ sơ, lưu TP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Mỹ Hạnh